

TS.Nguyễn Văn Chỉnh , TS.Vũ Quang Việt
Cử nhân . Trần Văn , Cử nhân . Lê Hoàng

Kinh tế Việt Nam đổi mới

NHỮNG PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ QUAN TRỌNG

SỐ LIỆU VÀ PHÂN TÍCH
KINH TẾ TỔNG HỢP
THEO VÙNG
CƠ CẤU SẢN XUẤT
HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH
THÀNH PHẦN KINH TẾ
KHU VỰC THỂ CHẾ

INTERGRATED ECONOMIC
DATA AND ANALYSIS
BY REGIONS
ECONOMIC STRUCTURE
FINANCIAL OPERATION
OWNERSHIP
AND INSTITUTIONS

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
HÀ NỘI, 2002

KINH TẾ VIỆT NAM ĐỔI MỚI

Những phân tích và đánh giá quan trọng
VIETNAM ECONOMY IN THE YEARS
OF REFORM



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
Hà Nội - 2002

LỜI GIỚI THIỆU

Nền kinh tế Việt Nam đã và đang được đổi mới, thể hiện rõ rệt nhất là thời kỳ từ 1990 đến nay. Cuốn sách " Kinh tế Việt Nam đổi mới - những phân tích và đánh giá quan trọng" đã khái quát những nét lớn về thực trạng kinh tế Việt Nam trong thời kỳ qua. Nội dung cuốn sách phong phú không những chỉ hệ thống hóa số liệu tổng hợp và chi tiết trên phạm vi cả nước và từng vùng, lãnh thổ nhằm phân tích kinh tế về tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, thành phần kinh tế, khu vực thể chế, vùng lãnh thổ và hoạt động tài chính ... mà còn giới thiệu những khái niệm cơ bản, phương pháp tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp thuộc Hệ thống Tài khoản quốc gia để giúp độc giả dễ hiểu và theo dõi một cách cặn kẽ, đầy đủ toàn bộ những thông tin quan trọng được giới thiệu trong cuốn sách.

Cuốn sách này là công trình khoa học của những chuyên gia kinh tế được trực tiếp tham gia tổ chức chỉ đạo thực hiện tính các chỉ tiêu kinh tế thuộc hệ thống Tài khoản quốc gia ở Việt Nam trong nhiều năm qua.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu cuốn " Kinh tế Việt Nam đổi mới - Những phân tích và đánh giá quan trọng". Với độc giả; hy vọng nó sẽ đáp ứng được những yêu cầu trong công tác nghiên cứu, phân tích hoạch định chính sách cho thời kỳ hiện tại, làm dự báo kinh tế cho thời kỳ tương lai.

**NHÀ XUẤT BẢN
THỐNG KÊ**

MỤC LỤC INDEX

	Số trang (page number)
Lời giới thiệu	
Phần I : Định nghĩa ý niệm và phân tích kinh tế Part I : Definitions, concepts and economic analysis	
Chương I : Một số khái niệm về SNA	22
Chương II Phân tích về kinh tế VN 1990-2001	27
Chương III Cải cách doanh nghiệp nhà nước qua chương trình IMF đi về đâu?	44
Chương IV Sự khác biệt giữa ước tính GDP của IMF và Tổng cục Thống kê Việt Nam	65
Chương V Sơ lược về khái niệm, Nội dung, phương pháp tính của các chỉ tiêu kinh Tế thuộc Hệ thống Tài khoản Quốc gia (SNA) do Liên hợp quốc biên soạn và đang áp dụng ở Việt nam	89
Chương VI Vấn đề tính Tổng sản phẩm vùng Việt nam	120
Chapter I :A few SNA concepts	138
Chapter II :Analysis of the economic development of Vietnam during 1990-2001	144
Chapter III .What will happen to the reform of state enterprises through the IMF's program?	163
Chapter IV . A note on the differences between GDP's estimates by the IMF and the GSO of Vietnam	185

MỤC LỤC INDEX

	Số trang (page number)
Chapter VI . Compilation of Regional Domestic Product in Vietnam	210
Phần III : Các chỉ báo kinh tế Part III :Analytical indicators on national economy and regional economies (to be used in the analysis of chapter 2, part I)	227
Phần IV : Số liệu chi tiết về tài khoản quốc gia và tài khoản vùng Part IV :Detailed statistics on national accounts and Regional accounts	266

LỜI NÓI ĐẦU

Trong hơn mười năm qua, ngành Thống kê Việt Nam đã và đang trong quá trình đổi mới cơ sở thống kê nhằm phục vụ việc biên soạn cho một nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa các chỉ tiêu kinh tế xã hội. Các chỉ tiêu này giúp đánh giá, phân tích thực trạng nền kinh tế quốc dân, trên cơ sở đó làm căn cứ dự báo, hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô trên phạm vi cả nước cũng như chính sách vi mô cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hệ thống tài khoản quốc gia được xây dựng gần đây nhất là hệ thống thống kê tổng hợp đa mục tiêu, nhằm cung cấp thông tin cho các nhà kinh tế và hoạch định chính sách phân tích và làm quyết định. Do đó nó bao trùm toàn bộ thống kê kinh tế về sản xuất, phân phối và phân phối lại thu nhập, chi tiêu, để dành, tích lũy, sử dụng các công cụ tài chính phản ánh hoạt động và biểu hiện kinh tế của các tác nhân kinh tế khác nhau trên địa bàn kinh tế cả nước hoặc trên địa bàn kinh tế địa phương. Các tác nhân kinh tế gồm các loại khác nhau sau: hoạt động kinh tế của doanh nghiệp phi tài chính, doanh nghiệp tài chính, nhà nước, tư nhân trong nước, tư nhân nước ngoài, hộ gia đình, v.v. Những thông tin của các cơ sở ở trên cho phép xem xét và đánh giá tốc độ phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, chuyển đổi cơ cấu tổ chức sản xuất (thí dụ như việc doanh nghiệp, một hình thức quản lý tân tiến, thay thế hình thức hoạt động sản xuất hộ gia đình), vai trò của chính sách vĩ mô về tài chính và tiền tệ của nhà nước trên phạm vi kinh tế cả nước và từng địa phương.

Nhưng còn hơn thế, hệ thống tài khoản quốc gia còn có khả năng cung cấp thông tin và cơ cấu mô hình phân tích nhằm xem xét và đánh giá các hoạt động hoặc chính sách vi mô. Chẳng hạn nó có thể phục vụ nhà kinh tế đánh giá vai trò của một hoạt động sản xuất trong cả nền kinh tế hoặc đối với một nền kinh tế địa phương, thí dụ như công nghiệp sản xuất xi măng, hoặc đánh giá vai trò của từng loại doanh nghiệp (nhà nước, tư nhân trong

nước, có vốn nước ngoài. Một thí dụ cụ thể hơn như việc nhà nước muốn đánh giá đóng góp của hoạt động lọc dầu. Nhà nước có thể muốn đánh giá ảnh hưởng của nó đối với nền kinh tế nói chung. Hoặc nhà nước có thể cũng muốn đánh giá so sánh khả năng mang lại hiệu quả về tài chính của những địa phương có thể chọn làm địa điểm đặt nhà máy lọc dầu. Ngoài ra, nó cũng có thể muốn đánh giá ảnh hưởng của nhà máy đối với kinh tế địa phương trong việc tạo ra việc làm, làm nảy sinh các công nghiệp phù trợ cung cấp hàng hoá và dịch vụ cho nhà máy lọc dầu, tạo thu nhập cho dân địa phương, cùng với tổn hại mà địa phương có thể phải chịu. Những phân tích trên có thể thực hiện thông qua việc sử dụng bảng cân đối liên ngành bằng cách kết hợp với thống kê lao động và môi trường.

Nói tóm lại hệ thống tài khoản quốc gia không chỉ đơn giản là phương tiện nhằm biên soạn một vài chỉ số như tổng sản phẩm quốc nội, tiêu dùng cuối cùng, để dành cuối cùng và tích lũy cho cả nền kinh tế là xong. Hệ thống này được thiết kế với khả năng cung cấp nhiều thông tin quan trọng hơn vài chỉ số trên.

Quyển sách này cố gắng cho thấy một phần nào khả năng phân tích của số liệu mà hệ thống tài khoản quốc gia có thể đáp ứng dù hệ thống này chưa được biên soạn hoàn chỉnh ở Việt Nam. Hệ thống SNA thử nghiệm ở Việt Nam được xuất bản trong quyển sách này gồm có:

1. Bảng cân đối liên ngành nhằm nghiên cứu sự liên hệ giữa các hoạt động sản xuất và việc sử dụng sản phẩm trong nền kinh tế. Bảng này đã được thực hiện ba lần ở Việt Nam: 1989, 1997, 1999, mỗi lần số hoạt động sản xuất chi tiết hoá tăng lên từ 54 ngành lên 97 ngành rồi 200 ngành.

2. Các chỉ số tổng hợp cơ bản được phát triển rộng hơn, không chỉ gồm tổng sản phẩm quốc nội (GDP), xuất nhập khẩu, tiêu dùng cuối cùng, tích lũy tài sản mà gồm cả nhiều loại chỉ tiêu khác: thu nhập, thu nhập cuối cùng, để dành và đi vay thuần theo khu vực thể chế. Thu nhập bao gồm thu nhập từ làm công, từ hoạt động tự sản tự tiêu và chuyển nhượng từ nhà nước và nước ngoài sau khi trừ thuế. Tiêu dùng cuối cùng cũng được phân ra làm tiêu dùng mà hộ gia đình tự chi và cả tiêu dùng thực tế của hộ gia đình bao gồm cả phần hàng hoá và dịch vụ do

Nhà nước và các tổ chức vô vị lợi chỉ phục vụ họ (được gọi là tiêu dùng cá nhân của nhà nước và tổ chức vô vị lợi trong hệ thống SNA).

3. Hoạt động kinh tế cũng được phân ra theo thành phần kinh tế (nhà nước, tư nhân nội địa, có vốn đầu tư nước ngoài, hỗn hợp, hộ gia đình, tập thể). Phân tổ này cho phép đánh giá vai trò của sở hữu, tuy vậy nó chỉ phần nào đó phản ánh sở hữu, nhưng không phải hoàn toàn. Thí dụ như kinh tế hỗn hợp, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có phần sở hữu nhiều khi rất quan trọng của nhà nước. Phân tổ này giúp theo dõi vai trò và sự đóng góp của các thành phần kinh tế dù có sự chồng chéo về phân loại dựa trên tiêu chuẩn có tính tùy tiện. Chẳng hạn như một doanh nghiệp nào có vốn nước ngoài từ 10% trở lên thì theo tiêu chuẩn quốc tế được xếp vào doanh nghiệp có vốn nước ngoài dù 80% sở hữu còn lại thuộc nhà nước. Phân tổ này đã được Tổng Cục Thống Kê thực hiện trong nhiều năm qua ở Việt Nam.

4. Hoạt động kinh tế cũng được phân theo khu vực thể chế, cơ bản là doanh nghiệp tài chính, doanh nghiệp phi tài chính, dịch vụ nhà nước, hộ gia đình và nước ngoài. Đây là phân tổ rất quan trọng trong hệ thống tài khoản quốc gia và là điểm phát triển mới trong hệ thống SNA 1993 của Liên Hợp Quốc. Nó cho phép nghiên cứu vai trò chủ thể làm quyết định của từng khu vực thể chế và các liên hệ qua lại của chúng, trong đó vai trò của doanh nghiệp phi tài chính và tài chính được đặt nặng hơn trước. Ngoài kết quả hoạt động sản xuất, nó cho phép nghiên cứu quyết định kinh tế và tài chính của từng khu vực. Hệ thống phân tổ này là bước phát triển mới của ngành thống kê ở Việt Nam, được áp dụng với số liệu 10 năm, mà trước kia chỉ mới thử nghiệm cho một năm, tức là năm 1989 trong chương trình viện trợ cho Tổng Cục Thống Kê của Liên Hợp Quốc cho Việt Nam. Các nước ở Á châu ngoài trừ Nhật, Hàn Quốc hãy còn trong vòng thử nghiệm. Bước tiến này vẫn còn đòi hỏi nhiều công phu hoàn chỉnh, tăng độ tin cậy trong tương lai và để có cơ hội hoàn chỉnh, nó cần nằm trong chương trình thường xuyên của Tổng Cục Thống Kê. Thử nghiệm lần này vẫn chưa phát huy đầy đủ đến khu vực tín dụng trong nền kinh tế và kết toán tài sản cố định và tài chính.

5. Tài khoản vùng. Tài khoản vùng cũng là một bước cố gắng mới khác trong hoạt động thống kê ở Việt Nam. Tài khoản chỉ mới gồm tổng sản phẩm tỉnh và thành phố cho 10 năm qua, do đó nó chỉ cho phép nghiên cứu hoạt động sản xuất của từng tỉnh, thành phố và vùng, và chưa cho phép nghiên cứu thu nhập và mức sống của từng tỉnh, thành phố do trung ương quản lý hoặc vùng. Tổng sản phẩm vùng (GRP) giống như tổng sản phẩm quốc nội (GDP) về ý niệm nhưng ở tầm địa phương và được biên soạn theo hoạt động sản xuất. Hạn chế của tài khoản vùng hiện nay có thể dễ dàng thấy qua sự kiện là tổng sản phẩm tỉnh trên đầu người ở Vũng Tàu – Bà Rịa lớn nhất nước do có hoạt động khai thác dầu khí, nhưng thu nhập của họ không lớn như vậy vì hầu hết thu nhập từ dầu khí chuyển về chính quyền trung ương và ra nước ngoài. Mặc dù có hạn chế như vậy, tài khoản vùng đã được bước tiến mới với phương pháp luận mới, trên cơ sở phát triển hệ thống chỉ số giá nhằm bảo đảm là tổng số của tổng sản phẩm vùng bằng tổng sản phẩm quốc nội của cả nước theo giá hiện hành và theo giá so sánh. Với phương pháp mới này, tốc độ phát triển của cả nước bằng tổng của tốc độ phát triển của các tỉnh và thành phố với quyền số là mức đóng góp của chúng. Kết quả này sẽ không thực hiện được nếu như cục thống kê các tỉnh, thành phố được phép tự tính GRP tỉnh và tốc độ phát triển của họ không nắm được thông tin thuộc kinh tế quốc gia hoạt động trong vùng.

6. Phần phân tích kinh tế tổng hợp dựa trên số liệu thống kê 10 năm qua. Phần này nhằm trình bày rõ ràng hơn lợi ích của hệ thống số liệu 10 năm qua trên cơ sở hệ thống tài khoản quốc gia SNA 1993, trên nguyên tắc phân tổ phục vụ phân tích đa mục tiêu.

Qua số liệu thống kê tài khoản quốc gia cũng như phân tích kinh tế dựa vào những số liệu này, chúng ta có thể dễ nhận thấy là để xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tài khoản quốc gia cho đất nước nhằm đáp ứng các yêu cầu phân tích một nền kinh tế ngày càng phức tạp, các thống kê cơ sở cũng phải thu thập kịp thời, đầy đủ và có hệ thống trên cùng một hệ thống chuẩn mực về ý niệm, phân tổ và phương pháp. SNA chính là hệ thống nhằm phối hợp tất cả các thông tin kinh tế cơ bản. Rất tiếc

là hệ thống thống kê cơ sở như thống kê tài chính nhà nước và ngân hàng còn tùy tiện, không theo tiêu chuẩn quốc tế. Số liệu gửi cho Tổng Cục Thống Kê vẫn còn quá tổng quát, với nhiều mục “khác” có giá trị lớn nhưng không được chi tiết hoá nhằm phục vụ việc biên soạn tài khoản quốc gia. Do đó, Tài khoản quốc gia bị hạn chế về độ chính xác. Quan trọng nhất trong việc xây dựng thống kê cơ sở của nhiều ngành khác nhau là việc chấp nhận các ý niệm, ngôn ngữ chuẩn cũng như các phân tổ và phân ngành chuẩn của quốc tế được chi tiết hoá cho phù hợp với Việt Nam. Việc chuẩn hoá để ký hiệu hoá này rất quan trọng cho việc lưu giữ, truyền đưa và xử lý số liệu thống kê bằng máy tính. Việc quan trọng khác cần làm là việc công bố số liệu chi tiết. Điều này luật pháp cho phép nhưng rất tiếc là không đòi hỏi phải công bố.

Lúc trước đây việc thiết kế hệ thống lưu giữ số liệu nhằm đáp ứng nhiều mục tiêu với nhiều phân loại khác nhau rất tốn kém nếu như phải làm bằng tay hoặc máy tính lớn rất đắt tiền. Tuy nhiên hiện nay máy tính PC hoặc cỡ vừa với hệ thống mạng nối kết rẻ tiền đã cho phép một nước nghèo thực hiện được. Vấn đề chính đặt ra cho một nước đang phát triển là việc nhận thức thấy tầm quan trọng của hệ thống và có quyết tâm thực hiện.

Quyển sách này gồm các phần sau:

Phần I: Định nghĩa ý niệm và phân tích kinh tế

Chương 1: Các định nghĩa cơ bản trong hệ thống tài khoản quốc gia; và các phân ngành, phân thành phần kinh tế, phân khu vực thể chế, và phân vùng ở Việt Nam.

Chương 2: Phân tích về tình hình phát triển kinh tế Việt Nam 1990-2000.

Chương 3: Phân tích về cải cách doanh nghiệp ở Việt Nam

Chương 4: Sự khác biệt giữa ước tính GDP của IMF và Tổng cục Thống kê Việt Nam

Phần II: Phương pháp trong hệ thống tài khoản quốc gia của Liên Hợp Quốc và ứng dụng ở Việt Nam

Chương 5: Sơ lược về khái niệm, nội dung, phương pháp tính của những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp thuộc hệ thống Tài khoản Quốc gia (SNA) do Thống kê Liên hợp quốc biên soạn và

đang được áp dụng ở Việt nam.

Chương 6: Phương pháp tính tổng sản phẩm vùng ở Việt Nam.

Phần III. Các chỉ báo kinh tế có tính phân tích về kinh tế quốc gia và vùng (được sử dụng trong phân tích ở chương 2, phần I)

Chương 7: Các chỉ báo kinh tế có tính phân tích về kinh tế quốc gia.

Chương 8: Các chỉ báo kinh tế có tính phân tích về kinh tế vùng.

Phần IV: Số liệu chi tiết về tài khoản quốc gia và tài khoản vùng 1990-2000

Chương 9: Số liệu chi tiết về tài khoản quốc gia thời kỳ 1995-2001. Phân theo ngành, thành phần kinh tế và khu vực thể chế theo giá hiện hành và giá so sánh và gồm các tài khoản sản xuất, các tài khoản thu nhập sau phân phối, thu nhập sử dụng, chi tiêu dùng, để dành, tích lũy và cho vay thuần. GDP và GDP bình quân đầu người theo giá tiền đồng, USD theo tỷ giá hối đoái và theo sức mua tương đương.

Chương 10: Số liệu chi tiết về tài khoản vùng 1995-2000. Phân theo 8 vùng lãnh thổ, 3 tam giác kinh tế và các tỉnh ven biển. Tổng sản phẩm vùng và tổng sản phẩm vùng bình quân đầu người theo giá thực tế và giá so sánh cho vùng, tỉnh và thành phố.

Cuốn sách này được kế thừa từ nhiều cuốn sách và công trình nghiên cứu khoa học của Tiến sĩ Nguyễn Văn Chỉnh nguyên là Vụ trưởng Vụ hệ thống Tài khoản Quốc gia và tiến sĩ kinh tế Vũ Quang Việt chuyên viên cao cấp về thống kê của Cục Thống Kê Liên Hợp Quốc. Số liệu trong sách này dựa vào việc cập nhật hoá, chỉnh lý những sai sót trong số liệu được xuất bản trước đây trong quá trình tổng hợp và chi tiết hoá số liệu vào hệ thống tài khoản quốc gia. Tiến sĩ Vũ Quang Việt viết các chương phân tích thống kê tình hình phát triển kinh tế Việt Nam 1990-2000 và phân tích chương trình cải cách doanh nghiệp quốc

doanh, sự khác biệt giữa ước tính GDP của IMF và của Tổng cục Thống kê Việt nam. Những ý kiến phát biểu trong các phần viết trên là ý kiến cá nhân của tác giả và không nhất thiết phản ánh ý kiến của Cục Thống Kê Liên Hợp Quốc. Tiến sĩ Nguyễn Văn Chỉnh viết các chương về giới thiệu lược đồ và phương pháp biên soạn Tài khoản Quốc gia, và tài khoản vùng. Tiến sĩ Chỉnh điều hành việc biên soạn các tài khoản với sự cộng tác của chuyên gia Trần Vân và chuyên gia Lê Hoàng cùng một số chuyên gia khác trong Tổng Cục Thống Kê. Tiến sĩ Việt rà soát hầu hết số liệu trong cuốn sách trên cơ sở phương pháp luận nhưng sơ suất là điều khó tránh khỏi và do đó sai sót vẫn có thể tồn tại. Hơn nữa, chất lượng số liệu được công bố ở đây còn bị lệ thuộc vào chất lượng số liệu cơ sở được các cơ quan có trách nhiệm về thống kê ở Việt Nam kể cả Tổng Cục Thống Kê thu thập và công bố.

Nhân đây, chúng tôi xin trân thành cảm ơn các đồng nghiệp khác đã có nhiều đóng góp vào việc thực hiện quyển sách này nhưng không muốn đề tên.

Chúng tôi hy vọng cuốn sách này có lợi ích cho sinh viên, các nhà nghiên cứu và làm chính sách muốn theo dõi kinh tế Việt Nam ở mức độ chi tiết.

Tác giả:

Nguyễn Văn Chỉnh: Tiến sĩ kinh tế, nguyên vụ trưởng vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia, Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Vũ Quang Việt: Tiến sĩ kinh tế, New York University (1980). Chuyên viên cao cấp về thống kê kinh tế của Cục Thống kê Liên Hợp Quốc, trách nhiệm về phương pháp luận trong hệ thống tài khoản quốc gia. Ông đã tham gia vào quá trình sửa đổi hệ thống SNA 1993 và từng làm cố vấn kỹ thuật về tài khoản quốc gia cho nhiều nước trong đó có Ấn Độ, Pakistan, Thái Lan, Philipin, Việt Nam ...

Trần Vân: Cử nhân kinh tế.

Lê Hoàng: Cử nhân kinh tế.